

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154 /2018/DS-PT

Ngày: 04-07-2018

“Tranh chấp về dân sự - yêu  
cầu mở lối đi qua bất động  
sản liền kề”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Mai;

Ông Huỳnh Thanh Mỹ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh:* Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27 tháng 6 và ngày 04 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2017/TLPT-DS ngày 25 tháng 01 năm 2018, về việc “Tranh chấp về dân sự - Yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2017/DS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 93/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Tấn N, sinh năm 1940.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ Tấn N là:* Chị Hồ Thị Ngọc T sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 89, ấp H, xã T, Huyện L, Tỉnh Đồng Tháp;

*Người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Hồ Tấn N là:* Bà Nguyễn Thị Kim L - là luật sư của Văn phòng Luật sư K thuộc Đoàn luật sư Tỉnh Đồng Tháp;

- *Bị đơn:* Ông Hồ Minh L, sinh năm 1963;

Địa chỉ: số 188, ấp H, xã T, huyện L, Tỉnh Đồng Tháp;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chị Hồ Thị Ngọc X, sinh năm 1967;

2/ Anh Hồ Tấn V, sinh năm 1969;

*Người đại diện theo ủy quyền của chị Xuyên, anh Vị:* Chị Hồ Thị Ngọc T sinh năm 1974; Cùng địa chỉ: Số 89, ấp H, xã T, huyện L, Tỉnh Đồng Tháp;

3/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966;  
Địa chỉ: Số 188, ấp H, xã T, huyện L, Tỉnh Đồng Tháp;  
- *Người kháng cáo*: Ông Hồ Tấn N, là nguyên đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn ông Hồ Tấn N có chị Hồ Thị Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 05/9/2012, hộ ông Hồ Tấn N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 17, tờ bản đồ số 9 và giáp thửa đất số 17 của hộ ông N đứng tên là thửa đất số 494a, tờ bản đồ số 01 do hộ ông Hồ Minh L đứng tên quyền sử dụng, cả hai thửa đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Thửa đất số 17 của ông N bị bao vây bởi các phần đất liền kề của các chủ sử dụng khác, trong đó có thửa đất số 494a do hộ ông L đứng tên quyền sử dụng. Ông N và cha của ông L là ông Hồ Minh L1 (đã chết) là anh em chú bác ruột, đất ông N và đất ông L đều có nguồn gốc của ông bà để lại. Từ rất lâu, khi ông N còn ở căn nhà thuộc thửa đất số 17 trên, để đi ra tỉnh lộ 848 thì ông N và gia đình ông N có sử dụng lối đi trên đất của ông L1, nay là thửa đất số 494a của hộ ông L. Đến khoảng năm 2000, căn nhà ông N hư hỏng nên ông N cùng gia đình đến nơi khác ở, không còn sử dụng căn nhà trên thửa đất 17 cho đến năm 2016 và cũng từ năm 2000 ông N không sử dụng lối đi này thường xuyên nữa, mà thỉnh thoảng khi ông N và gia đình đến thăm đất thì có sử dụng lối đi trên phần đất của ông L. Sau đó, ông L xây dựng quán, nhà vệ sinh, làm bờ kè cặp rạch Xưởng trên phần đất của mình, bao gồm phần lối đi trước đó mà gia đình ông N sử dụng, nên ông N phải đi nhờ lối đi trên đất của ông T1 (có đất giáp ranh với thửa 17), nay ông T1 đã rào lối đi và không cho ông N đi nhờ nữa. Năm 2016, ông N sửa chữa căn nhà trên thửa đất 17, nhưng chưa có lối đi nên không ai ở trong ngôi nhà đó. Nay ông N yêu cầu được quyền sử dụng lối đi có diện tích 79,7m<sup>2</sup> đất tính từ điểm M1 đến M2 đến M3 đến M4 đến M5 đến M6 đến M7 đến M8 theo sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp giữa ông L và ông N được ký duyệt ngày 22/6/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L, thuộc một phần thửa đất số 494a, tờ bản đồ số 01 do hộ ông Hồ Minh L đứng tên quyền sử dụng và ông N đồng ý trả giá trị đất, tài sản có trên đất cho ông L theo giá Nhà nước quy định. Ông N thống nhất giá trị đất và tài sản có trên đất tranh chấp như biên bản định giá tài sản ngày 26/4/2016.

Để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, thì người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng lối đi mà ông N đang yêu cầu sử dụng nằm trên thửa đất số 494a của ông L là lối đi từ trước đến nay do ông bà để lại, về lối đi phía bên đất của ông T1 và những người khác là đất do họ nhận chuyển nhượng nên khó khăn cho việc đi lại của hộ ông N nếu những người này không đồng ý cho ông N được quyền sử dụng lối đi. Ông N không yêu cầu gì đòi với bà Nguyễn Thị M, là thành viên trong hộ khẩu của ông L.

## **2. Bị đơn ông Hồ Minh L trình bày:**

Ông Hồ Minh L thống nhất với ông N về nguồn gốc đất đang tranh chấp, về mối quan hệ giữa ông L với ông N. Ngày 13/8/2001, hộ ông L được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 494a và thửa đất này giáp ranh với thửa đất số 17 của ông N như người đại diện hợp pháp của ông N trình bày. Trước đây, khi cha ông L còn sống thì gia đình ông N có đi nhờ trên thửa đất số 494a của ông L hiện nay để đi ra tỉnh lộ 848. Khoảng năm 2000, gia đình ông N không còn sử dụng căn nhà trên thửa đất 17 mà đến nơi khác sinh sống, nên ông N cùng gia đình không còn đi nhờ trên đất của ông L. Thỉnh thoảng, ông N cùng gia đình đến thăm vườn tại thửa đất số 17 thì đi nhờ lối đi trên phần đất của ông T1 và lối đi này có nhiều hộ gia đình cùng sử dụng. Nay ông L không đồng ý để ông N được quyền sử dụng lối đi có diện tích là 79,7m<sup>2</sup> đất, thuộc một phần của thửa đất số 494a, tờ bản đồ số 01 do hộ ông Hồ Minh L đứng tên quyền sử dụng theo yêu cầu của ông N. Vì theo ông L, việc ông N sử dụng lối đi của ông T1 sẽ thuận lợi hơn, về phần đất mà ông N đang tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề đối với ông L tiếp giáp với tỉnh lộ 848 và rạch xường để phục vụ tưới tiêu cho phần đất vườn thuộc thửa 494a cũng như nước sinh hoạt của gia đình ông L. Đồng thời ông L đã xây dựng bờ kè cặp rạch xường làm bến bãi vận chuyển hàng hóa để cho thuê nhằm tạo thu nhập cho gia đình.

Ông L thống nhất giá trị đất và tài sản có trên đất tranh chấp như biên bản định giá tài sản ngày 26/4/2016. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông N thì ông L sẽ tự nguyện di dời tài sản ra khỏi đất tranh chấp mà không yêu cầu ông N phải bồi thường hay hỗ trợ chi phí di dời và tại phiên tòa ông L thống nhất giá trị tranh chấp là 100.000 đồng/m<sup>2</sup>. Quyền sử dụng đất thửa 494a hiện ông L đang thế chấp tại Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L để vay tiền và đến nay chưa trả nợ. Tại phiên tòa, ông L cho rằng giữa đất ông Hồ Minh L2 và đất bà Hồ Thị L3 có lối đi thuận tiện cho việc đi lại từ tỉnh lộ 848 đến thửa đất số 17 của ông N, ông N nên thỏa thuận để được sử dụng lối đi này.

## **3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Hồ Tấn V và chị Hồ Thị Ngọc X ủy quyền cho chị Hồ Thị Ngọc T trình bày là anh V và chị X là con của ông N, là thành viên trong hộ của ông N. Trong vụ án tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề giữa ông N và ông L, thì anh V và chị X không yêu cầu gì mà giao cho ông N được toàn quyền quyết định. Anh V và chị X thống nhất giá trị đất và tài sản có trên đất tranh chấp như biên bản định giá tài sản ngày 26/4/2016.

- Bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà là vợ của ông Hồ Minh L, cũng là thành viên trong hộ khẩu của ông L. Trong vụ án tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề giữa ông N và ông L thì bà M không yêu cầu gì mà giao cho ông L được toàn quyền quyết định. Bà M thống nhất với lời trình bày của ông L về giá trị đất, tài sản có trên đất tranh chấp và hướng giải quyết về tài sản có trên đất tranh chấp.

#### **4. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:**

41. Không chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Tấn N về việc "*Tranh chấp quyền về mở lối đi qua bất động sản liền kề*" với ông Hồ Minh L có diện tích 79,7m<sup>2</sup> đất, thuộc một phần thửa đất số 494a, tờ bản đồ số 01 do hộ ông Hồ Minh L đứng tên quyền sử dụng. Đất tranh chấp tọa lạc tại xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4.2. Về án phí: Ông Hồ Tấn N phải chịu 727.500đ án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 265.000đ theo biên lai số 037237 ngày 02 tháng 02 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Ông N còn phải nộp thêm 462.500đ.

4.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 2.634.000đ (Hai triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn đồng) ông N phải nộp (Ông N đã nộp xong).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

5. Ngày 27/12/2017, ông Hồ Tấn N kháng toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xem xét cho ông N có được lối đi, vì ông N không có lối đi nào khác. Lối đi ông N yêu cầu có diện tích là 79,70m<sup>2</sup> theo sơ đồ đo đạc ngày 22/6/2016.

#### **6. Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo;
- Bị đơn không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn;
- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề Nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Sửa quyết định của bản án sơ thẩm theo hướng mở lối đi cho phía nguyên đơn trên phần đất bị đơn. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc bồi thường giá trị đất và các vật kiến trúc, cây trồng có trên đất cho bị đơn;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn mở một lối đi có chiều ngang 1,75m, dài 52m; có diện tích là 79,7m<sup>2</sup>; theo sơ đồ đo đạc được xác định từ vị trí M1 đến M8 nên Tòa sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là Tranh chấp quyền sử dụng đất- về yêu cầu

mở lối đi qua bất động sản liền kề, phù hợp với quy định tại khoản 9, điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Phần đất mà hai bên đang có tranh chấp tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện L nên Tòa án huyện L thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Tấn N về việc yêu cầu bên bị đơn là ông Hồ Minh L cho mở một lối đi theo đo đạc thực tế có diện tích là 79,7m<sup>2</sup> được xác định bởi các mốc (M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M1) thuộc một phần thửa 494a tờ bản đồ số 1 do hộ ông L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Ông N là nguyên đơn có phần đất thuộc thửa số 17, tờ bản đồ số 9 có vị trí nằm phía trong thửa 494a tờ bản đồ số 1 do hộ ông L là bị đơn đứng tên quyền sử dụng đất (tính từ Tỉnh lộ 848 trở vào). Các bên đương sự đều thừa nhận hai thửa đất trên đều có nguồn gốc là của ông bà để lại cho ông N và cha của ông L (ông N và cha ông L là anh em chú bác ruột).

- Theo ông L trình bày, trước đây gia đình ông N cũng có đi nhờ trên phần đất thuộc quyền sử dụng của hộ ông từ trước năm 1975 đến năm 2000 thì do nhà ông N bị hư hỏng nên di dời đi nơi khác ở, không còn đi trên phần đất thuộc quyền sử dụng của ông L; trên phần đất của ông N có 01 căn nhà khung gỗ tạp, mái lợp tole, vách tole, một số cây trồng trên đất và khu mộ của bên gia đình ông N; ông L cho rằng bên ông N còn có lối đi khác thuận tiện hơn. Tuy nhiên, căn cứ vào biên bản lấy lời khai ngày 19/4/2018 đối với ông Hồ Minh L2, Hồ Minh L4 và ông Hồ Minh T1 (T1) là những người có phần đất gần đất ông N mà Tòa án cấp sơ thẩm nhận định có thể mở lối đi cho bên ông N thì những đương sự này có ý kiến không đồng ý cho bên ông N đi và hiện tại trên phần đất của ông T1 (T1), ông L4, ông L2 cũng không có hình thành lối đi thuận tiện để đi vào phần đất của ông N. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông N và hộ ông L không đồng ý mở lối đi cho hộ ông N ra Tỉnh lộ là không phù hợp;

- Phần đất mà ông N yêu cầu mở lối đi trên phần đất của hộ ông L là phần đất cặp kênh thủy lợi, mặc dù trên thực tế không có hình thành lối mòn, vì sau khi nhà ông N đi nơi khác ở thì ông L trồng cây, xây dựng vật kiến trúc khác (như nhà vệ sinh) trên phần đất cặp kênh thủy lợi này làm hạn chế việc đi ra Tỉnh lộ của gia đình ông N. Do đó, việc ông N yêu cầu được mở một lối đi ra lộ trên phần đất của hộ ông L là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 254 Bộ luật dân sự;

- Bên ông L do không đồng ý mở lối đi cho bên ông N nên không yêu cầu trả giá trị đất, phần cây trồng, vật kiến trúc trên đất nhưng bên ông N tự nguyện trả giá trị đất, cây trồng trên đất và giá trị nhà vệ sinh trên phần đất

mở lối đi cho bên hộ ông L với số tiền theo giá mà Hội đồng định giá đã định. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của bên ông N và cũng phù hợp pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện này. Tuy nhiên, phần đất mở lối đi có hiện trạng cặp kênh thủy lợi nên gia đình bên ông L cũng cần sử dụng để lấy nước tưới tiêu cũng như vận chuyển hàng hóa như sơ thẩm đã nhận định. Do đó, phần đất được xác định làm lối đi cho gia đình ông N sẽ là lối đi chung cho cả bên ông L nên bên ông N chỉ có nghĩa vụ trả  $\frac{1}{2}$  giá trị đất cho bên ông L.

- Phần đất được xác định làm lối đi chung thuộc một phần thửa 494a tờ bản đồ số 1, theo đo đạc thực tế có diện tích là  $79,7m^2$  loại đất trồng cây lâu năm, thuộc khu vực 1, vị trí 1, có giá trị là 100.000đ/m<sup>2</sup>;

Do xác định phần đất có diện tích là  $79,7m^2$  thuộc một phần thửa 494a tờ bản đồ số 1 là lối đi chung của bên ông N và bên ông L; nên ông N có nghĩa vụ trả  $\frac{1}{2}$  giá trị đất cho bên ông L với số tiền là 3.985.000đồng;

Ngoài ra, bên ông N còn tự nguyện trả giá trị cây trên phần đất được mở lối đi cho bên ông L với tổng số tiền là 1.180.000đồng (bao gồm: 01 cây gừa, 01 cây tràm, 01 cây bưởi, 02 cây khế, 05 cây chuối, 01 cây mận, 01 cây mít); trả giá trị nhà vệ sinh là 4.790.389đồng; trả giá trị phần sân là 1.791.238đồng. Như vậy, tổng số tiền mà hộ ông N tự nguyện trả giá trị cho hộ ông L là 11.746.627đồng;

Buộc ông L, bà Màu có nghĩa vụ di dời (phá dỡ) 01 nhà vệ sinh có diện tích  $3,06m^2$  (nhà vệ sinh có kết cấu: Vách tường không tô, mái phirô xi măng, nền lát gạch men, cửa thiếc, bên trong ốp gạch men cao 1,2m, xây dựng năm 2010); di dời phần sân và phần cây trồng có trên phần đất mở lối đi thuộc một phần thửa 494a, tờ bản đồ số 1 do hộ ông L đứng tên quyền sử dụng đất.

- Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng của ông L tại thửa 494a tờ bản đồ số 1, hiện hộ ông L đang thế chấp vay tại Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L để vay tiền. Tòa án đã có thông báo cho Ngân hàng biết việc tranh chấp nhưng Ngân hàng có văn bản không có yêu cầu và không tham gia tố tụng nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

- Xét lời trình bày và đề N của người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận;

- Xét lời trình bày và đề N của đại diện Viện Kiểm Sát là phù hợp;

Từ những phân tích trên nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn;

Do sửa án sơ thẩm nên ông N không phải chịu án phí kháng cáo.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng N có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng N.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 điều 203 Luật đất đai; Điều 254 Bộ luật dân sự; Điều 48 - N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Tấn N;

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 82/2017/DS-ST ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện L;

- Chấp nhận yêu cầu mở lối đi của hộ ông N (gồm ông Hồ Tấn N, Hồ Thị Ngọc X, Hồ Tấn V) trên phần đất của hộ ông L (gồm ông Hồ Minh L, bà Nguyễn Thị M) có diện tích theo đo đạc thực tế là 79,7m<sup>2</sup> được xác định bởi các mốc (M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M1), loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa 494a tờ bản đồ số 1 do hộ ông Hồ Minh L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Xác định diện tích 79,7m<sup>2</sup> tại các mốc (M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M1), loại đất cây lâu năm, thuộc một phần thửa 494a tờ bản đồ số 1 là lối đi chung của hộ ông Hồ Tấn N và hộ ông Hồ Minh L cùng sử dụng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của hộ ông N (gồm ông Hồ Tấn N, Hồ Thị Ngọc X, Hồ Tấn V) đồng ý trả cho hộ ông L (gồm ông Hồ Minh L, bà Nguyễn Thị M) ½ giá trị đất; giá trị nhà vệ sinh; giá trị sân và giá trị cây trồng trên đất với tổng số tiền là 11.746.627đồng (Mười một triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi bảy đồng);

- Buộc ông L, bà Mầu có nghĩa vụ di dời (phá dỡ) 01 nhà vệ sinh có diện tích 3,06m<sup>2</sup> (nhà vệ sinh có kết cấu: vách tường không tô, mái phirô xi măng, nền lát gạch men, cửa thiếc, bên trong ốp gạch men cao 1,2m, xây dựng năm 2010); di dời phần sân và phần cây trồng có trên phần đất mở lối đi thuộc một phần thửa 494a, tờ bản đồ số 1 do hộ ông Hồ Minh L đứng tên quyền sử dụng đất.

Các bên đương sự được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật;

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông N phải chịu 587.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ vào 265.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 037237 ngày 02/02/2016; như vậy, ông N còn phải nộp tiếp số tiền 322.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản;

Ông N tự nguyện chịu tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản với số tiền là 2.634.000đ; (số tiền này ông N đã nộp xong);

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông N được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 02168 ngày 27/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L;

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng N có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng N.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. L;
- Chi cục THADS H. L;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Võ Trinh**

**QUYẾT ĐỊNH**



Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng N có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng N.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H Lai Vung;
- Chi cục THADS H Lai Vung;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Võ Trinh**